

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **5485** /TCHQ-TXNK

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2020

V/v áp dụng thuế suất nhóm hàng
211 Biểu thuế xuất khẩu Nghị định
số 57/2020/NĐ-CP

Kính gửi: Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

Tổng cục Hải quan nhận được công văn số 1269/HQTH-NV ngày 10/7/2020 và số 1349/HQTH-NV ngày 21/7/2020 của Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa, công văn số 1882/HQHNN-NV ngày 22/7/2020 của Cục Hải quan Hà Nam Ninh, công văn số 2294/HQNA-NV ngày 29/7/2020 của Cục Hải quan tỉnh Nghệ An và công văn số 12/CV-HHĐ ngày 3/8/2020 của Hiệp hội Đá Thanh Hóa về vướng mắc trong việc áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu đối với nhóm hàng 211 Biểu thuế xuất khẩu ban hành kèm theo Nghị định số 57/2020/NĐ-CP. Về việc này, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

1. Bấy nhóm hàng được định danh tại nhóm hàng có số thứ tự 211 Phụ lục I Biểu thuế xuất khẩu phải đáp ứng đồng thời cả 02 điều kiện nêu tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 57/2020/NĐ-CP và không thuộc các trường hợp loại trừ quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 thì áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu 5%.

2. Về việc khai báo thuế suất trên tờ khai hải quan xuất khẩu đối với các mặt hàng thuộc 07 nhóm hàng đã được chi tiết trong nhóm hàng có số thứ tự 211 Biểu thuế xuất khẩu thì khai tương tự như hướng dẫn của Tổng cục Hải quan tại công văn số 9744/TCHQ-TXNK ngày 12/10/2016. Cụ thể:

- Trường hợp hàng hóa có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng từ 51% giá thành sản phẩm trở lên:

+ Tại chỉ tiêu “Mã quản lý riêng”: khai mã “TNKS”;

+ Tại chỉ tiêu “Thuế suất”: khai 5%.

- Trường hợp hàng hóa có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng dưới 51% giá thành sản phẩm:

+ Tại chỉ tiêu “Mã quản lý riêng”: khai mã “TNKSD51”;

+ Tại chỉ tiêu “Thuế suất”: bỏ trống, không khai.

3. Việc xác định tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất sản phẩm trở lên thực hiện theo quy định tại Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật

Quản lý thuế và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP.

Tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP, khoản 1 Điều 1 Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ, Điều 1 Thông tư số 25/2018/TT-BTC CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định việc xác định tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản phẩm căn cứ vào báo cáo quyết toán năm trước của doanh nghiệp (không quy định bắt buộc phải căn cứ vào báo cáo quyết toán do cơ quan thuế kiểm tra).

Người nộp thuế tự kê khai, tự chịu trách nhiệm về việc xác định hàng hóa xuất khẩu có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng dưới 51% giá thành sản phẩm theo quy định của pháp luật.

Cơ quan hải quan giải quyết thủ tục thông quan trên cơ sở tự khai của doanh nghiệp và thực hiện kiểm tra sau thông quan để xác định tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng trong giá thành sản phẩm làm cơ sở áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu đối với những trường hợp khai báo hàng hóa thuộc 07 nhóm hàng nêu trên có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng dưới 51% giá thành sản phẩm.

Tổng cục Hải quan thông báo để các đơn vị biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Vũ Thị Mai (để báo cáo);
- Vụ Chính sách thuế - BTC (để phối hợp);
- Hiệp hội Đá Thanh Hóa (Cụm Công nghiệp làng nghề, P. An Hưng, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa) (thay trả lời CV số 12/CV-HHĐ ngày 3/8/2020);
- Lưu: VT, TXNK-PL (3b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Lưu Mạnh Tường